

Số: 522/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 15 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 394/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu việc giải quyết việc dân sự:*

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1985;
- Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: 166 Nguyễn S, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội xét nên công nhận.

[2] Về con chung: ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N có 03 con chung là Lê Thị Kim N, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Lan T, sinh ngày 05/10/2015 và Lê Thị Kim N sinh ngày 13/10/2012, khi ly hôn ông T và bà N thỏa thuận giao 03 con chung cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi con 9.000.000 đồng/01 tháng cho 03 con chung. Bắt đầu từ ngày 07/07/2020.

[3] Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: hai bên xác nhận không có.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Ông T và bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0020933 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N (theo Giấy chứng nhận kết hôn số kết hôn số 130/2007 quyển số 01, ngày 29/8/2007 do UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh cấp) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N có 03 con chung là Lê Thị Kim N, sinh ngày 21/01/2009; Lê Thị Lan T, sinh ngày 05/10/2015 và Lê Thị Kim N sinh ngày 13/10/2012, khi ly hôn ông T và bà N thỏa thuận giao 03 con chung cho bà Lê Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi con 9.000.000 đồng/01 tháng cho 03 con chung. Bắt đầu từ ngày 07/07/2020.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con mà không ai được cản trở.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân (người thân thích), tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ) có thể xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì người phải thi hành còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả; lãi suất được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- **Về tài sản chung:** ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về nợ chung:** ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N xác nhận không có.

**2.** Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Lê Văn T và bà Lê Thị Thu N phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông T và bà N đã nộp theo Biên lai thu số 0020933 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú (để ghi vào sổ ghi chú);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

**Trần Ngọc Mỹ**